

BÁO CÁO**Về tình hình hoạt động của tổ chức cơ sở đảng Quý IV năm 2025**

Thực hiện Công văn số 10212-CV/BTCTW, ngày 18/11/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về việc “*Báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức cơ sở đảng quý IV/2025*”, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lâm Đồng báo cáo kết quả như sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng được thành lập trên cơ sở hợp nhất 3 đảng bộ tỉnh: Lâm Đồng, Đắk Nông, Bình Thuận theo Quyết định số 319-QĐ/TW, ngày 18/6/2025 của Bộ Chính trị. Được sự quan tâm, lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, sự Hướng dẫn thường xuyên của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy cấp xã đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng thực hiện tốt công tác quản lý đảng viên, nghiệp vụ công tác đảng viên và công tác phát triển đảng viên, nhất là việc chuẩn hóa cơ sở dữ liệu của đảng viên trên Phần mềm cơ sở dữ liệu đảng viên 3.0 và việc đổi thẻ đảng viên đáp ứng kịp thời theo yêu cầu, tiến độ chung của tỉnh¹; cải cách hành chính gắn với thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó có nhiệm vụ chuyển đổi số, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở.

Cấp ủy chi bộ, Ban công tác Mặt trận và các chi hội đoàn thể ở chi bộ thôn, buôn (bon), khu phố (tổ dân phố) duy trì hoạt động đều đặn, bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương và triển khai nghiêm túc Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 23/7/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới, bước đầu đem lại chuyển biến tích cực.

* *Khó khăn, hạn chế*: Một số đồng chí trong cấp ủy, Bí thư, Phó Bí thư chi bộ tổ dân phố lớn tuổi, hạn chế trong việc tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin, nhất là các ứng dụng phục vụ chuyển đổi số, công việc yêu cầu xử lý qua môi trường số hoặc cần cập nhật nhanh trên hệ thống chưa được thực hiện kịp thời, phần nào ảnh hưởng đến tiến độ chung. Một số đồng chí đảng viên trẻ đi làm ăn xa, khó khăn trong việc sinh hoạt chi bộ; số đảng viên lớn tuổi ảnh hưởng đến việc triển khai và nắm bắt các nội dung mới chưa bảo đảm.

¹ Kết quả triển khai đổi thẻ đảng viên trên nền tảng Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; đến ngày 30/11/2025 đã cập nhật 120.051/123.739 đảng viên, tỷ lệ 96,98% trên tổng số đảng viên của đảng bộ.

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai các nhiệm vụ được giao

Trong quý IV năm 2025, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tập trung lãnh đạo xây dựng và cụ thể hóa các nghị quyết, quy định, chỉ thị, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, bổ sung vào chương trình, kế hoạch công tác của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy để lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy triển khai đến các tổ chức cơ sở đảng thực hiện tại địa phương².

Các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở đã bám sát chỉ đạo của Trung ương, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW, ngày 14/4/2025 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng (*gọi tắt là Chỉ thị số 45-CT/TW*) và các văn bản của Trung ương, của Tỉnh ủy; các cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên đã nhận thức đầy đủ, kịp thời, tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc, đồng bộ³.

Chỉ đạo triển khai công tác kiểm điểm, đánh giá xếp loại tổ chức cơ sở đảng và đảng viên quý IV và năm 2025.

² Bám sát và tiếp tục triển khai thực hiện Quy định 294-QĐ/TW, ngày 26/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng; Hướng dẫn số 06-HD/TW của Ban Bí thư hướng dẫn một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng; Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành các văn bản cụ thể: (1) Quy định số 226 -QĐ/TU - ngày 31/10/2025 về tặng, truy tặng Huy hiệu Đảng; (2) Quy định số 227-QĐ/TU, ngày 31/10/2025 về Khen thưởng tổ chức đảng, đảng viên; (3) Quy định Số 255-QĐ/TU, ngày 20/11/20285 về việc kiểm điểm và đánh giá xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị; (4) Kế hoạch số 06-KH/TU, ngày 27/10/2025 của Tỉnh ủy tổng kết công tác Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; (4) Kế hoạch số 06-KH/TU, ngày 27/10/2025 của Tỉnh ủy tổng kết công tác Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; (5) Công văn số 318-CV/TU, ngày 14/11/2025 về việc kiểm điểm, đánh giá xếp loại năm 2025; (6) Công văn số 336-CV/TU, ngày 17/11/2025 về việc triển khai Công văn số 77-CV/TW, ngày 06/11/2025 của Bộ Chính trị về việc hướng dẫn hồ sơ đảng viên chính thức ứng cử vào Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV của Đảng; (7) Công văn số 259-CV/TU, ngày 07/11/2025 về triển khai Hướng dẫn số 42-HD/BTCTW, ngày 28/10/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện Chỉ thị 50-CT/TW, ngày 23/7/2025 về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn; chỉ đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy ban hành Hướng dẫn số 05-HD/BTCTU, ngày 03/12/2025 về hướng dẫn một số nội dung, quy trình nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ; (8) Công văn số 416-CV/TU, ngày 27/11/2025 về việc đánh giá cán bộ Quý IV, năm 2025. (9) Căn cứ Quy định số 366-QĐ/TW, ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về việc kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị; Kết luận số 198-KL/TW, ngày 30/8/2025 của Bộ Chính trị về chủ trương đánh giá đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị; Hướng dẫn số 43-HD/BTCTW, ngày 31/10/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về một số nội dung về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Quy định số 255-QĐ/TU, ngày 20/11/20285 về việc kiểm điểm và đánh giá xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị.

³ Trong Quý IV Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tổng hợp, tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Văn kiện trình Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 – 2030; hoàn chỉnh kịch bản, chương trình chi tiết Đại hội... và các nội dung khác phục vụ Đại hội, đồng thời tham mưu tổ chức thành công Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030 đảm bảo theo kế hoạch. Tổng hợp ý kiến góp ý văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng. Báo cáo hồ sơ đại biểu dự Đại hội Đảng toàn quốc, báo cáo Ban Tổ chức Trung ương theo Hướng dẫn số 41-HD/TW, ngày 27/10/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về hồ sơ đại biểu dự Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng). Báo cáo kết quả Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh, nhiệm kỳ 2025 -2030; tổ chức hội nghị tổng kết, rút kinh nghiệm công tác chuẩn bị và tổ chức Đại hội; tổng hợp, hoàn thiện Báo cáo tổng hợp góp ý Văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng; hoàn thiện, ban hành Văn kiện đại hội nhiệm kỳ 2020 - 2025. Tập trung rà soát, xây dựng, ban hành Quy chế làm việc, Chương trình công tác, Chương trình kiểm tra, giám sát toàn khóa nhiệm kỳ 2025 - 2030; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội. Việc phân công Tỉnh ủy viên, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy sau Đại hội được thực hiện nghiêm theo Đề án số 15-ĐA/TU, ngày 12/8/2025.

2. Kết quả nổi bật

Hiện nay, Đảng bộ tỉnh có 128 tổ chức đảng trực thuộc gồm: 124 Đảng bộ xã, phường, đặc khu (103 đảng bộ xã, 20 đảng bộ phường; 01 đảng bộ đặc khu) và 04 đảng bộ trực thuộc (Đảng bộ: Các cơ quan Đảng tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Công an tỉnh, Quân sự tỉnh) với 1.887 tổ chức cơ sở đảng (279 đảng bộ cơ sở, 1608 chi bộ cơ sở) với 124.262 đảng viên⁴.

2.1. Chi bộ chi bộ thôn, tổ dân phố

Kết quả đạt được: Hiện nay, có 2.770 chi bộ thôn, buôn (bon), khu phố (tổ dân phố) trực thuộc đảng ủy cấp xã với tổng số 54.894 đảng viên.

Các chi bộ cấp thôn tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của chi bộ. Thực hiện tốt tự phê bình và phê bình, nâng cao tính chiến đấu trong sinh hoạt đảng, đồng thời mở rộng dân chủ, xây dựng và phát huy văn hóa trong Đảng; nhằm phát huy vai trò của chi bộ và đội ngũ cán bộ, đảng viên trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, đơn vị; các chi bộ cấp thôn theo dõi, giám sát đảng viên trong việc chấp hành các chủ trương, chính sách pháp luật, hưởng ứng các phong trào địa phương phát động và mối quan hệ gắn bó với nhân dân nơi cư trú.

2.2. Tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp

Kết quả đạt được: Các tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp: Hiện nay có 1.400 tổ chức cơ sở đảng với 51.140 đảng viên⁵, duy trì nền nếp sinh hoạt cấp ủy, chi bộ bám sát nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị. Công tác chính trị, tư tưởng, thông tin, tuyên truyền được triển khai kịp thời, góp phần tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của cán bộ, đảng viên.

Các Đảng bộ, Chi bộ đã cụ thể hóa nghị quyết của cấp trên thành chương trình, kế hoạch phù hợp với đặc thù lĩnh vực; lãnh đạo thực hiện tốt nhiệm vụ chuyên môn, cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Công tác phối hợp giữa các đơn vị, phòng, ban ngành được tăng cường, bảo đảm thực hiện tốt các nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh

⁴ Giảm 647 tổ chức cơ sở đảng (giảm 645 chi bộ cơ sở) so với Quý III: Do quá trình chuyển giao các chi bộ cơ sở thuộc các cơ quan, đơn vị sự nghiệp trực thuộc các xã, phường, đặc khu về trực thuộc các Đảng bộ cơ sở các Sở, ban ngành trực thuộc Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh. Do quá trình sáp nhập giữa 3 tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận và Đắk Nông cũ, các chi bộ trực thuộc Đảng ủy cấp xã cũ trước sáp nhập chuyển giao nguyên trạng và hiện vẫn là loại hình chi bộ trực thuộc Đảng bộ cấp xã hiện tại. Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã có văn bản số 12-CV/BTCTU, ngày 08/7/2025 chỉ đạo các đơn vị này nâng cấp các chi bộ trực thuộc này theo đúng loại hình theo Quy định số 294-QĐ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Công văn số 8739-CV/BTCTW, ngày 09/6/2025 của Ban Tổ chức Trung ương.

⁵ Giảm 366 tổ chức cơ sở đảng 15.381 đảng viên: Lý do: Quá trình sáp nhập giữa 3 tỉnh Lâm Đồng, Bình Thuận và Đắk Nông cũ, các chi bộ trực thuộc Đảng ủy cấp xã cũ trước sáp nhập chuyển giao nguyên trạng và hiện vẫn là loại hình chi bộ trực thuộc Đảng bộ cấp xã hiện tại. Trong quá trình hoạt động, Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã có văn bản số 12-CV/BTCTU, ngày 08/7/2025 chỉ đạo các đơn vị này nâng cấp các chi bộ trực thuộc này theo đúng loại hình theo quy định 294-QĐ/TW và Công văn số 8739-CV/BTCTW, ngày 09/6/2025 của Ban Tổ chức Trung ương Đảng.

chính trị, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương; công tác an sinh xã hội được bảo đảm, việc giải quyết chế độ chính sách cho các đối tượng đúng, đủ kịp thời; chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất cho khai giảng năm học mới 2025 - 2026.

* *Khó khăn, hạn chế*: Bước đầu thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, một số nhiệm vụ phát sinh mới chưa kịp điều chỉnh quy chế, quy trình phối hợp xử lý công việc có lúc có nơi còn chưa kịp thời; công tác chuyển giao, tổ chức mô hình tổ chức cơ sở đảng và chi bộ trực thuộc còn chưa đồng nhất. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số ở một số đơn vị, phòng, ban chuyên môn chưa đồng bộ do thiếu nhân lực và trang thiết bị. Một bộ phận cán bộ, đảng viên do công việc chuyên môn nhiều nên thời gian dành cho sinh hoạt và nghiên cứu các nghị quyết, chỉ thị có lúc còn hạn chế.

2.3. Tổ chức cơ sở đảng trong quân đội

Kết quả đạt được: Các tổ chức cơ sở đảng trong quân đội: Hiện nay có 133 tổ chức cơ sở đảng (*giảm 03 tổ chức cơ sở đảng so với Quý III*) với 4.877 đảng viên (*giảm 549 đảng viên*), trong đó có 124 Chi bộ Quân sự trực thuộc đảng ủy cấp xã với 2.455 đảng viên; bảo đảm tổ chức hoạt động theo đúng Quy định số 332-QĐ/TW, ngày 24/6/2025 của Bộ Chính trị quy định về tổ chức đảng trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Ngay sau sáp nhập, thành lập, các tổ chức cơ sở đảng trong quân đội đã hoàn thành tổ chức Đại hội đảng bộ, chi bộ lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Các tổ chức cơ sở đảng trong quân đội thường xuyên nêu cao tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, tập trung với quyết tâm cao, từng bước ổn định nền nếp hoạt động; duy trì chế độ sinh hoạt định kỳ; tập trung lãnh đạo công tác tư tưởng, tạo sự thống nhất trong đảng viên, góp phần ổn định tổ chức sau sáp nhập; thực hiện nghiêm túc việc học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng; các Chi bộ Quân sự xã, phường, đặc khu đã tham mưu cho Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu xây dựng và triển khai kế hoạch công tác quân sự - quốc phòng địa phương; duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, phối hợp giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Bên cạnh những mặt đạt được trong công tác tổ chức và hoạt động của chi bộ Quân sự cấp xã vẫn còn một số khó khăn, hạn chế như công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong cụ thể hóa các văn bản chỉ đạo của cấp trên còn lúng túng, chưa kịp thời. Do mới sáp nhập, đội ngũ cán bộ quân sự và đảng viên một số chi bộ có sự thay đổi nên công tác phân công nhiệm vụ còn chưa ổn định.

2.4. Tổ chức cơ sở đảng trong công an

Các tổ chức cơ sở đảng trong Công an: Hiện nay có 154 tổ chức cơ sở đảng với 8.261 đảng viên (*trong đó có 124 chi bộ công an trực thuộc đảng ủy cấp xã với 4.481 đảng viên*); tổ chức hoạt động theo Quy định số 343-QĐ/TW, ngày 23/7/2025 của

Bộ Chính trị quy định về tổ chức đảng trong Công an nhân dân Việt Nam.

Ngay sau khi thành lập, các tổ chức cơ sở đảng trong Công an đã tập trung ổn định tổ chức, giữ vững nguyên tắc hoạt động, bảo đảm lãnh đạo toàn diện các mặt công an trên địa bàn xã, phường, đặc khu; đồng thời xác định vai trò là lực lượng nòng cốt trong công tác giữ gìn an ninh trật tự ở cơ sở, lực lượng công an thường xuyên bám sát địa bàn, nắm bắt kịp thời những tình huống nảy sinh về an ninh trật tự, những hành vi vi phạm pháp luật; chủ động tham mưu cho Đảng ủy cấp trên triển khai các biện pháp giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn xã, phường, đặc khu; hoàn thành việc đổi thẻ đảng viên bảo đảm tiến độ theo quy định; phối hợp chặt chẽ với Ban Chỉ huy Quân sự xã, phường, đặc khu, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

2.5. Tổ chức cơ sở đảng ở các loại hình doanh nghiệp

Trong toàn đảng bộ tỉnh, số tổ chức cơ sở đảng trong các loại hình doanh nghiệp là 200 tổ chức với 5.090 đảng viên (*Trong đó: Doanh nghiệp có vốn nhà nước có 56 tổ chức đảng với 3.110 đảng viên, Doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước có 109 tổ chức đảng với 1.635 đảng viên; Hợp tác xã có 35 tổ chức đảng với 345 đảng viên*). Tổ chức cơ sở đảng trong doanh nghiệp hoạt động ổn định, đã bám sát Điều lệ Đảng, các quy định về chức năng, nhiệm vụ theo từng loại hình doanh nghiệp. Phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng từng bước được đổi mới phù hợp với tình hình thực tiễn, điều kiện hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp nhưng vẫn bảo đảm được tính lãnh đạo của Đảng đối với doanh nghiệp.

Các cấp ủy đã chủ động tham gia ý kiến với chủ doanh nghiệp về chủ trương sắp xếp, tổ chức bộ máy, đào tạo, bồi dưỡng; giới thiệu những cán bộ, đảng viên có phẩm chất, năng lực, đủ điều kiện, tiêu chuẩn tham gia vào bộ máy lãnh đạo, quản lý của doanh nghiệp.

Tuy nhiên đa số doanh nghiệp trên địa bàn quy mô nhỏ và vừa; tập trung vào sản xuất, kinh doanh; một số chủ doanh nghiệp chưa nhận thức đúng mức vị trí, vai trò của tổ chức đảng trong doanh nghiệp; cán bộ chủ yếu kiêm nhiệm công tác đảng, nên chưa dành nhiều thời gian để triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác xây dựng Đảng tại doanh nghiệp.

2.6. *Tổ chức cơ sở đảng ở ngoài nước:* Không có tổ chức cơ sở đảng ở ngoài nước.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được và nguyên nhân

- Lãnh đạo công tác chính trị, tư tưởng: Công tác chính trị, tư tưởng, nắm bắt dư

luận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân được chú trọng; công tác giáo dục Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh được quan tâm, nhất là các hoạt động giảng dạy, học tập lý luận chính trị ở Trường Chính trị tỉnh, các trường và trung tâm bồi dưỡng chính trị các cấp ủy quan tâm, tổ chức các lớp nghiên cứu lý luận, quán triệt và xây dựng các chương trình hành động, kế hoạch, đề án.

- Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị: Các cấp ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng triển khai thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị tại địa phương, cơ quan, đơn vị, cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương, của Tỉnh ủy kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

- Lãnh đạo xây dựng đảng bộ, chi bộ: Trong sinh hoạt cấp ủy, chi bộ được duy trì nền nếp, nội dung thiết thực, gắn với nhiệm vụ chuyên môn; việc thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 23/7/2025 của Ban Bí thư về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về một số nội dung nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới bước đầu tạo chuyển biến tích cực. Công tác xây dựng tổ chức đảng; việc chuyển giao tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước về trực thuộc cấp ủy địa phương nơi đặt trụ sở hiện đang triển khai theo kết luận của Bộ Chính trị; quản lý và phát triển đảng viên; tổ chức kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị năm 2025; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số: chuẩn hóa Cơ sở dữ liệu đảng viên; triển khai ứng dụng Sổ tay đảng viên điện tử bảo đảm đúng tiến độ quy định, đạt kết quả cao.

- Lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ: Các cấp ủy lãnh đạo các tổ chức cơ sở đảng theo chức năng, nhiệm vụ sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị xây dựng quy chế hoạt động của phù hợp, hiệu quả mô hình tổ chức mới; tổ chức nhiều lớp tập huấn bồi dưỡng cho các cấp ủy viên, cán bộ, công chức, viên chức cấp xã, người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố để nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ trong thực hiện nhiệm vụ ở địa phương; đồng thời triển khai cụ thể hóa, xây dựng tiêu chuẩn chức danh cán bộ phù hợp từng lĩnh vực, từng ngành theo quy định.

Công tác kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh quý IV và năm 2025 được Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo, triển khai quyết liệt, dự kiến hoàn thành tiến độ theo yêu cầu của Ban Tổ chức Trung ương.

- Lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội: Các cấp ủy lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả và phát huy và nâng cao chất lượng giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân trong giai đoạn mới, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; chú trọng công tác giám sát đối với cán bộ, đảng viên, nhất là người

đứng đầu trong việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống. Quan tâm củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức do Đảng lãnh đạo và tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa Đảng với Nhân dân.

- Lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng: Các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban kiểm tra các cấp và chi bộ lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát người đứng đầu cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của ủy ban kiểm tra các cấp; nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của tổ chức cơ sở đảng, nhất là tự kiểm tra, giám sát. Tăng cường sự phối hợp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng giữa ủy ban kiểm tra với các tổ chức đảng và cơ quan liên quan.

- Thực hiện các mối quan hệ công tác: Hoạt động của đa số các tổ chức cơ sở đảng tiếp tục được đổi mới cả về nội dung và phương thức, chất lượng được nâng lên so với trước. Đã rà soát, sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, mối quan hệ công tác của một số loại hình tổ chức cơ sở đảng phù hợp với tiến độ sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy.

2. Hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

- Sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tỉnh Lâm Đồng (mới) có địa bàn rộng, giao thông cách trở, một số tổ chức cơ sở đảng có đơn vị công tác tại 03 cơ sở nên việc sinh hoạt chi bộ tập trung gặp khó khăn.

- Một số cán bộ, công chức, đảng viên chưa kịp thích ứng với mô hình mới, kỹ năng và phương pháp làm việc chưa đồng đều. Một số cấp ủy, chi bộ còn hạn chế trong việc tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin, nhất là các ứng dụng phục vụ chuyển đổi số, công việc yêu cầu xử lý qua môi trường số hoặc cần cập nhật nhanh trên hệ thống chưa được thực hiện kịp thời.

- Công tác phát triển đảng theo tỷ lệ quy định hiện nay (*phần đầu đạt từ 3% đến 4% trên tổng số đảng viên hiện có*) gặp rất nhiều khó khăn; đặc biệt là việc phát triển đảng viên ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có đạo và đảng viên là học sinh, sinh viên, trong doanh nghiệp ngoài nhà nước tỷ lệ rất thấp.

- Việc nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ đã được quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, tuy nhiên chất lượng ở một số nơi vẫn còn thấp; có nơi sinh hoạt còn hình thức, tính chiến đấu trong tự phê bình và phê bình chưa cao; trong sinh hoạt chi bộ có nơi, có lúc còn nặng về sinh hoạt chuyên môn, chưa thật sự quan tâm đến sinh hoạt chuyên đề.

- Công tác định hướng thông tin, đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thông tin xấu, độc trên không gian mạng có lúc còn bị động; công tác phối hợp định hướng tuyên truyền, giải tỏa dư luận xã hội đối với một số vụ việc chưa chặt chẽ, thường xuyên. Công tác tuyên truyền gương người tốt, việc tốt, cách làm hay, sáng tạo chưa tạo sức lan tỏa trong xã hội; việc nắm bắt, định hướng tư tưởng, dư luận xã hội đôi lúc còn chưa kịp thời.

- Cơ sở vật chất, nhất là ở các chi bộ thôn, buôn (bon), khu phố (tổ dân phố) còn thiếu, xuống cấp; việc xử lý phản ánh của nhân dân có lúc, có nơi chưa kịp thời.

*** Nguyên nhân**

- Sau sắp xếp bộ máy, công việc vận hành nhiều, thời gian thực hiện gấp nên đôi lúc công tác nắm bắt tình hình cơ sở chưa kịp thời.

- Một số quy định, hướng dẫn của Trung ương về tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị sau sắp xếp vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, có lúc gây lúng túng khi triển khai.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM QUÝ I/2026 VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

1.1. Tăng cường công tác tuyên truyền, định hướng về chính trị, tư tưởng, nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm, ý thức tổ chức kỷ luật và vai trò tiên phong, gương mẫu của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong giai đoạn hiện nay. Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm các nghị quyết, chỉ thị, kết luận của Trung ương về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong giai đoạn mới, nhất là quá trình hoạt động bộ máy tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các chính trị - xã hội ... địa phương 2 cấp.

1.2. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Quy định về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ của các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Chú trọng, làm tốt công tác quán triệt, cụ thể hóa các nghị quyết, chỉ thị, quy định... của cấp ủy cấp trên phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Tăng cường sự lãnh đạo, kiểm tra, giám sát thường xuyên của các cấp ủy đảng đối với việc thực hiện quy định về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng và quy chế làm việc của cấp ủy cơ sở.

1.3. Chú trọng nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên; quan tâm phát hiện, bồi dưỡng kết nạp vào Đảng những đoàn viên ưu tú, công nhân, trí thức, doanh nhân trưởng thành trong công tác, lao động, học tập để tạo nguồn cán bộ; các cấp ủy có kế hoạch thực hiện đạt chỉ tiêu hàng năm và chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2025 - 2030 đề ra. Tăng cường công tác quản lý đảng viên; thường xuyên rà soát, sàng lọc, kiên quyết đưa những đảng viên không còn đủ tư cách ra khỏi Đảng.

1.4. Bám sát quy định của Bộ Chính trị, Hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức cơ sở đảng, cán bộ, đảng viên năm 2025 theo đúng yêu cầu, bảo đảm thời gian quy định; đồng thời báo cáo kết quả kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị theo quy định. Thực hiện tốt công tác biểu dương, khen thưởng kịp thời những tổ chức đảng, đảng viên tiêu biểu, có thành tích xuất sắc, nổi bật trong công tác.

1.5. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 09-KH/TU, ngày 10/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 23/7/2025 của Ban Bí thư; Hướng dẫn theo Hướng dẫn số 42-HD/BTCTW, ngày 28/10/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện Chỉ thị 50-CT/TW, ngày 23/7/2025 về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ trong giai đoạn mới.

1.6. Nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu hoạt động trong mô hình mới. Đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động của tổ chức đảng cấp cơ sở, giảm tải thủ tục hành chính.

2. Đề xuất, kiến nghị

Đề nghị Ban Tổ chức Trung ương: (1) Sớm hướng dẫn việc làm thẻ đối với những trường hợp đảng viên chưa có sổ thẻ đảng, đảng viên làm thất lạc thẻ đảng nhưng chưa làm quy trình, thủ tục cấp lại thẻ đảng; (2) nghiên cứu hướng dẫn cho phép sinh hoạt chi bộ trực tiếp kết hợp trực tuyến đối với các chi bộ có đảng viên làm việc phân tán tại nhiều địa bàn cơ sở xa trung tâm.

(Có các biểu mẫu kèm theo)

Trên đây là Báo cáo tình hình hoạt động của tổ chức cơ sở đảng Quý IV năm 2025 của Đảng bộ tỉnh Lâm Đồng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy báo cáo Ban Tổ chức Trung ương.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương,
- Vụ Cơ sở đảng, đảng viên, BTCTW,
- Vụ Địa phương III, BTCTW,
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy, TH, XD, XD3.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**



Phạm Thị Phúc



THỐNG KÊ TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN TRONG CÁC LOẠI HÌNH CƠ SỞ
Tính đến 30/11/2025

Biểu số 1

Loại hình tổ chức đảng	Tổ chức cơ sở đảng										Tổ chức đảng trực thuộc				Đảng viên	
	Tổng số	Đảng bộ cơ sở								Chi bộ cơ sở	Chia ra				Tổng số	Trong đó: Đảng viên mới kết nạp
		Tổng số	Trong đó:								Chi bộ trực thuộc Đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở	Chi bộ trực thuộc Đảng ủy cơ sở	Đảng bộ phân trực thuộc Đảng ủy cơ sở	Chi bộ trực thuộc Đảng ủy bộ phận		
			Đảng bộ cơ sở trực thuộc đảng ủy cấp trên trực tiếp cơ sở	Đảng bộ cơ sở trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy cấp trên trực tiếp Trung ương	Đảng bộ cơ sở được giao quyền cấp trên trực tiếp cơ sở	Đảng bộ cơ sở được thi điểm giao quyền cấp trên trực tiếp cơ sở	Đảng bộ cơ sở trực thuộc đảng ủy cơ sở được thi điểm giao quyền cấp trên trực tiếp cơ sở	Đảng bộ cơ sở trực thuộc đảng ủy cơ sở được thi điểm giao quyền cấp trên trực tiếp cơ sở	Đảng bộ cơ sở được ủy quyền kết nạp, khai trừ đảng viên							
1	2 (=3+11)	3 (=4+...+10)	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1. Thôn, tổ dân phố											2,770				54894	951
2. Cơ quan Đảng, MTTQ, tổ chức CT-XH	134	50	50							84		249			4,826	32
<i>Trong đó: trực thuộc đảng ủy cấp xã</i>	124	44	44							80		205			4,023	25
3. Cơ quan Nhà nước	148	68	68							80		538	5	83	13,002	236
<i>Trong đó: trực thuộc đảng ủy cấp xã</i>	124	47	47							77		181			4,626	56
4. Đơn vị sự nghiệp (4=a+b)	1,118	89	89							1,029	545	464			33,312	1,581
<i>a) Công lập</i>	1,110	87	87							1,023	544	458			33,140	1,560
<i>Trong đó: trực thuộc đảng ủy cấp xã</i>	1,053	70	70							983	544	290			30,841	1,358
<i>b) Ngoài công lập</i>	8	2	2							6	1	6			172	21
<i>Trong đó: trực thuộc đảng ủy cấp xã</i>	8	2	2							6	1	6			172	21
5. Quân đội	133	13	13							123		82	21	63	4,877	161
<i>Trong đó: chi bộ quân sự xã, phường, đặc khu</i>	121	1	1							123		2			2,203	117
6. Công an	154	27	27							127		178			8,261	120
<i>Trong đó: chi bộ công an xã, phường, đặc khu</i>	124									124					4,481	11
7. Doanh nghiệp và hợp tác xã (7=a+b+c)	200	32	32							168	7	236			5,090	96
<i>Trong đó: trực thuộc đảng ủy cấp xã</i>																
<i>a) Doanh nghiệp có vốn Nhà nước</i>	56	23	23							33	1	202			3,110	75
- Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ	41	17	17							24	1	173			2,557	71
- Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên	10	4	4							6		16			317	
- Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ	5	2	2							3		13			236	4
<i>b) Doanh nghiệp ngoài khu vực Nhà nước</i>	109	9	9							100	1	34			1,635	14
- Công ty Cổ phần	58	6	6							52		26			931	13
- Doanh nghiệp tư nhân	15									15	1				117	
- Công ty trách nhiệm hữu hạn	31	3	3							28		8			521	4
- Công ty hợp danh	3									3					57	1
- Doanh nghiệp có vốn nước ngoài	2									2					9	
<i>Trong đó: Doanh nghiệp 100% vốn NN</i>																
<i>c) Hợp tác xã</i>	35									35	5				345	7
8. Tổ chức cơ sở đảng ở ngoài nước																
9. Loại hình cơ sở khác																
<i>(Ghi cụ thể loại hình cơ sở khác)</i>																
<i>Trong đó: trực thuộc đảng ủy cấp xã</i>																
Cộng (1+...+9)	1,887	279	279							1,611	3,322	1,747	26	146	124,262	3,177

Lâm Đồng, ngày 07 tháng 12 năm 2025

THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ ĐẢNG VIÊN, ĐẢNG VIÊN MỚI KẾT NẠP

Biểu số 2

Tiêu chí	Thực hiện		
	Tổng số đảng viên	Số lượng đảng viên mới kết nạp	
	Tính đến 30/11/2025	Trong Quý 4	Tính từ đầu năm đến 30/11/2025
1	2		3
I. Tổng số	124,262	1,147	3,177
<i>Trong đó:</i> - Nữ	50,600	670	
- Dự bị	3,831		
- Dân tộc thiểu số	14,902		
- Người theo tôn giáo	10,210	189	424
- Đoàn viên TNCS Hồ Chí Minh	18,511	200	355
- Chủ doanh nghiệp tư nhân	123	652	1,830
- Quản chúng vi phạm chính sách KHHGD			
- Có quan hệ hôn nhân với người nước ngoài	5		
- Kết nạp lại			1
- Đảng viên được miễn công tác và sinh hoạt Đảng	6,719		
<i>Trong đó: Do tuổi cao, sức khỏe yếu</i>	5,220		
II. Phân tích đảng viên, đảng viên mới kết nạp			
I. Nghề nghiệp ($l=a+b$)	124,262	1,147	3,177
a. Đảng viên đang làm việc và công tác	104,404	1,147	3,177
- Cán bộ, công chức cơ quan Nhà nước	13,002	71	236
- Cán bộ, công chức cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể chính trị xã hội	4,826	11	32
- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, bản (ấp, khóm)	6,705	62	110
- Viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập	33,312	562	1,581
- Người lao động trong các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập	172	9	21
- Lãnh đạo, quản lý và lao động trong các doanh nghiệp, chia ra:	5,090	36	96
+ Người lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp	666		3
+ Nhân viên, người gián tiếp sản xuất	2,709	29	79
+ Công nhân, lao động trực tiếp sản xuất	1,715	7	14
- Người làm nông, lâm, ngư nghiệp	20,209	139	594
- Sĩ quan, chiến sỹ quân đội	3,998	31	161
- Sĩ quan, chiến sỹ công an	8,261	28	120
- Sinh viên	634	9	28
- Học sinh	179	5	64
- Khác (lao động hợp đồng, tự do...)	8,016	184	134
b. Đảng viên đã nghỉ hưu và nghỉ công tác	19,858		
2. Tuổi đời	124,262	1,147	3,711
- Từ 18 - 30 tuổi	12,431	642	2,361
- Từ 31 - 35 tuổi	16,666	282	793
- Từ 36 - 40 tuổi	20,041	158	410
- Từ 41 - 45 tuổi	19,187	50	101
- Từ 46 - 50 tuổi	14,588	11	33
- Từ 51 - 55 tuổi	10,073	4	10
- Từ 56 - 60 tuổi	10,646		3
- Trên 60 tuổi	20,630		
- Tuổi bình quân	44	29	28

Tiêu chí	Thực hiện		
	Tổng số đảng viên	Số lượng đảng viên mới kết nạp	
3. Thời gian kết nạp vào Đảng	124,262		
- Trước 19/8/1945	14		
- Từ 19/8/1945 - 20/7/1954	590		
- Từ 21/7/1954 - 30/4/1975	5,349		
- Từ 01/5/1975 đến nay	118,309		
4. Trình độ giáo dục phổ thông	124,262	1,147	3,711
- Biết đọc, biết viết chữ quốc ngữ	1,204		
- Tiểu học	2,084	4	9
- Trung học cơ sở	11,710	63	466
- Trung học phổ thông	109,264	1,080	3,236
5. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	97,178	854	2,050
- Công nhân kỹ thuật, nhân viên nghiệp vụ, sơ cấp	4,593	61	252
- Trung cấp	11,908	39	80
- Cao đẳng	8,274	102	194
- Đại học	64,401	638	1,497
- Thạc sỹ	7,824	14	27
- Tiến sỹ	178		
6. Chức danh khoa học			
- Phó Giáo sư			
- Giáo sư			
7. Trình độ lý luận chính trị	65,235	0	0
- Sơ cấp	24,664		
- Trung cấp	33,200		
- Cao cấp, cử nhân	7,371		
III. Khai trừ	33	0	33
IV. Xóa tên, trong đó:	155	17	155
- Đảng viên bỏ sinh hoạt đảng hoặc không đóng đảng phí ba tháng trong năm mà không có lý do chính đáng	145	17	145
- Đảng viên tự ý trả thẻ đảng viên hoặc tự hủy thẻ đảng viên			
- Đảng viên giám sát ý chí phấn đấu, không thực hiện nhiệm vụ đảng viên, đã được chỉ bộ giáo dục nhưng sau 12 tháng phấn đấu không tiến bộ	7		7
- Đảng viên hai năm liền vi phạm tư cách đảng viên	3		3
- Đảng viên không bảo đảm tiêu chuẩn chính trị theo quy định của Bộ Chính trị			
IV. Xin ra khỏi Đảng, trong đó:	111	23	111
- Cán bộ, công chức	12		12
- Học sinh, sinh viên	1		1
- Bộ đội xuất ngũ	18	1	18
- Đối tượng khác	80	22	80